

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 18/6/2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Ngọc Tú.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

2. Bà Phạm Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Mai Ngọc H - Sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp A ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

\* Bị đơn: Ông Võ Tấn K - Sinh năm: 1990; địa chỉ: 1 ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

*Về hôn nhân:* Năm 2013, bà Mai Ngọc H và ông Võ Tấn K có tiền đến hôn nhân. Hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 01/8/2013.

Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm nên ông bà hay cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông K. Bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

*Về con chung:* Ông bà có 02 người con chung là Võ Xuân H1 - Sinh ngày: 28/10/2013 và Võ Xuân T - Sinh ngày: 16/8/2018, hiện tại 02 con đang sống với ông K. Bà H đồng ý việc ông K nuôi 02 con, bà không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản, về nợ:* Không có.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:***

Về thời gian kết hôn, thời gian sống chung hạnh phúc, về con chung và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông đồng ý với lời trình bày của bà H.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn nên trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

*Về con chung:* Do 02 con đang sống với ông và con có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông. Do vậy, sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con là Võ Xuân H1 - Sinh ngày: 28/10/2013 và Võ Xuân T - Sinh ngày: 16/8/2018. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản, về nợ:* Không có.

***Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:***

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:*

*Về hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông K.

*Về con chung:* Giao cháu **Võ Xuân H1** - Sinh ngày: 28/10/2013 và **Võ Xuân T** - Sinh ngày: 16/8/2018 cho ông **K** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.  
Ghi nhận việc ông **K** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.  
*Về tài sản, về nợ:* Bà **H**, ông **K** khai không có nên không xem xét giải quyết.  
Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Việc kết hôn giữa bà **Mai Ngọc H** và ông **Võ Tấn K** là tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long)** vào ngày 01/8/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc vài năm thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và bà **H** yêu cầu ly hôn với ông **K**

Trong quá trình giải quyết vụ án ông **K** cũng đồng ý ly hôn với bà **H**. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa ông bà là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về con chung:* Do cháu **Võ Xuân H1** - Sinh ngày: 28/10/2013 và **Võ Xuân T** - Sinh ngày: 16/8/2018 đang sống với ông **K** và có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông. Đồng thời ông **K** cũng có điều kiện nuôi con sau ly hôn. Do vậy, cần giao con cho ông tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận việc ông **K** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản, về nợ:* Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Bà Mai Ngọc H được ly hôn với ông Võ Tấn K.

Ghi nhận việc ông bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao cháu Võ Xuân H1 - Sinh ngày: 28/10/2013 và Võ Xuân T - Sinh ngày: 16/8/2018 cho ông K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với ông K.

Ghi nhận việc ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản, về nợ:** Bà H, ông K khai không có nên không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí sơ thẩm:** Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0009051 ngày 13/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi cấp giấy CNKH;
- Lưu hsva, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Ngọc Tú**